TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐĂK LĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 15-7-2020.
V/v: "Kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Vũ Xuân Thụ – Cán bộ hưu trí.

2, Ông Võ Ánh Sửu – Cán bộ hưu trí.

-Thư ký phiên Tòa: Ông Hoàng Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15/7/2020 tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2020 về việc *"Kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1965. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 8, xã R, huyện E, tỉnh Đăk Lăk.

Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1964. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 8, xã R, huyện E, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N, ông H là nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà N và ông H tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1990, không đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H nhiều lần uống rượu say về gây gổ, chửi bới mẹ con bà N. Ngoài ra, ông H còn quản lý về tiền bạc, tài sản trong gia đình, không bàn bạc tham khảo ý kiến của bà N. Hiện bà N và ông H không còn tình cảm với nhau, cuộc

sống không thể kéo dài được nữa. Nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với ông H.

Theo yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà N, ông H cũng đồng ý. Vì ông H cho rằng mâu thuẫn của ông H và bà N xảy ra đã trầm trọng và hiện ông H và bà N không còn tình cảm gì với nhau, nên ông H cũng yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông H và bà N là vợ chồng.

Về con chung: Bà N và ông H có 02 người con chung là Lê Tuấn V, sinh ngày 01/01/1991 và Lê Công T, sinh ngày 05/11/1995. Hiện các con chung đã trưởng thành, đủ trên 18 tuổi, nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện các con chung đã trưởng thành, nên không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bà N, ông H không ai yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Trong quá trình sống chung bà Lê Thị N và ông Lê Văn H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nên bà N khởi kiện yêu cầu không công nhận bà N và ông H là vợ chồng, Toà án thụ lý giải quyết là phù hợp khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Pháp luật về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Lê Văn H tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND nơi cư trú theo quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình thì không có giá trị pháp lý, nên không được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung bà N và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn và kéo dài ngày càng gay gắt. Hiện tại hai người đã sống ly thân và giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc bà N và ông H đều có nguyện vọng yêu cầu không công nhận là vợ chồng, là có căn cứ, phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Bà N và ông H có 02 người con chung là Lê Tuấn V, sinh ngày 01/01/1991 và Lê Công T, sinh ngày 05/11/1995. Hiện có 02 người con chung đã trưởng thành, đủ trên 18 tuổi, nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại các con chung của bà Nở và ông Hào đã trưởng thành, nên không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bà N, ông H không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị N và ông Lê Văn H.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

2.1. Bà N và ông H có 02 người con chung là Lê Tuấn V, sinh ngày 01/01/1991 và Lê Công T, sinh ngày 05/11/1995. Hiện các con chung đã trưởng thành, đủ trên 18 tuổi, nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng.

2.2. Hiện các con chung đã trưởng thành, nên không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Bà N, ông H không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí tòa án;

Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đăk Lăk theo biên lai số AA/2019/0008845 ngày 27/5/2020.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ